

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T C
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 30/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 24 - 4 - 2025

V/v Ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T C, TỈNH TRÀ VINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trang Thị Cẩm Nhuần

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Minh Trí là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện T C, tỉnh Trà Vinh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:** Ông Thạch I Ran – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2025, tại Tòa án nhân dân huyện T C xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 83/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Trương Thị Hồng D, sinh năm 1984; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Ngãi Hòa, xã Tập Ngãi, huyện T C, tỉnh Trà Vinh.

- **Bị đơn:** Anh Huỳnh Văn L, sinh năm 1974; (có đơn vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Ngãi Hòa, xã Tập Ngãi, huyện T C, tỉnh Trà Vinh.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch huyện T C.
(vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn T C, huyện T C, tỉnh Trà Vinh

2. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1986. (có đơn vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Đại Sur, xã Tập Ngãi, huyện T C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai của chị Trương Thị Hồng D là nguyên đơn như sau:

Chị D và anh Huỳnh Văn L chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tập Ngãi, huyện T C, tỉnh Trà Vinh vào năm 2004. Chị D và anh L có 02 người con chung tên Huỳnh Trọng Ph, sinh ngày 31/10/2005 và Huỳnh Thị Như Ng, sinh ngày 11/8/2017. Nguyên nhân yêu cầu ly hôn là do vợ chồng tính tình không hợp, thường xuyên cự cãi, anh L không tôn trọng vợ nên vợ chồng không còn hạnh phúc và đã sống ly thân với nhau từ tháng 4 năm 2023 cho đến nay.

Nay về hôn nhân: Chị D yêu cầu được ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị Trương Thị Hồng D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng Huỳnh Thị Như Ng và không yêu cầu anh Huỳnh Văn L phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với Huỳnh Trọng Ph đã thành niên và sống tự lập.

Về tài sản chung: Chị D không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Tại phiên tòa chị D khai trong thời gian chung sống với anh L có vay của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch huyện T C số tiền 70.000.000 đồng. Vay của chị Nguyễn Thị T số tiền 20.000.000 đồng, mục đích vay tiền lo cho sinh hoạt gia đình. Ngoài ra chị D và anh L còn ký vào hợp đồng bảo lãnh cho con ruột tên Huỳnh Trọng Ph vay tiền của Ngân hàng Đông Á phòng giao dịch huyện T C số tiền 100.000.000 đồng. Các khoản nợ này đến nay vẫn chưa trả cho nên khi ly hôn chị yêu cầu anh L cùng có nghĩa vụ trả nợ.

- Anh Huỳnh Văn L là bị đơn vắng mặt nhưng có cung cấp văn bản ghi ý kiến của mình như sau:

Anh L và chị D chung sống với nhau năm 2004, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tập Ngãi, huyện T C. Anh L và chị D có 02 người con chung tên Huỳnh Trọng Ph, sinh ngày 31/10/2005 và Huỳnh Thị Như Ng, sinh ngày 11 tháng 8 năm 2017 hiện đang sống với chị D.

Nguyên nhân mâu thuẫn do trước đây chị D đi làm công nhân vì lương thấp nên anh L khuyên chị nghỉ việc nhưng chị D không đồng ý, từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất hòa với nhau. Đến năm 2002, anh L đi làm thuê ở tỉnh Bình Dương có gửi tiền về quê nhưng không gửi cho vợ mà đưa cho người con trai tên

Huỳnh Trọng Phúc, vợ anh không đồng ý và cho rằng anh không lo cho gia đình nên hai bên tiếp tục cự cãi với nhau, vợ anh bỏ nhà ra đi và không còn chung sống với nhau đến nay trên 02 năm.

Trong thời gian ly thân anh L có điện thoại cho vợ để khuyên vợ về chung sống nhưng chị D không đồng ý, sau đó vợ anh chặn điện thoại và hiện nay không có liên lạc với nhau.

Về hôn nhân: Anh yêu cầu được đoàn tụ với chị Trương Thị Hồng D.

Về con chung: Nếu vợ anh vẫn cương quyết ly hôn về con chung anh đồng ý để chị D nuôi cháu Huỳnh Thị Như Ng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Riêng Huỳnh Trọng Ph thì đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Trong thời gian chung sống với chị D thì anh và chị D có ký tên bảo lãnh nợ cho con ruột tên Huỳnh Trọng Phúc vay vốn tại Ngân hàng Đông Á phòng giao dịch huyện T C số tiền 100.000.000 đồng, tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích đất khoảng 1.500m² do anh đứng tên, đất tọa lạc tại ấp Ngãi Hòa, xã Tập Ngãi, huyện T C, tỉnh Trà Vinh. Ngoài ra cách nay khoảng 05 năm vợ chồng anh L có vay của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch huyện T C với số tiền 70.000.000 đồng. Anh L đã trả vốn và tiền lãi hàng tháng, hiện nay số tiền vốn và lãi còn nợ Ngân hàng bao nhiêu thì không rõ. Nợ chị Nguyễn Thị T ở ấp Đại Sur, xã Tập Ngãi, huyện T C, tỉnh Trà Vinh với số tiền 20.000.000 đồng, khi vay tiền không có làm biên nhận, mục đích vay để làm vốn mua trái dừa. Hiện vợ chồng anh chưa trả vốn và tiền lãi cho chị T. Khi ly hôn anh L yêu cầu vợ anh cùng có nghĩa vụ trả nợ.

Cháu Huỳnh Thị Như Ng là con chung của chị D và anh L có trình bày nguyện vọng tiếp tục sống chung với mẹ ruột là chị Trương Thị Hồng D.

Chị Nguyễn Thị T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có ý kiến như sau: Chị Nguyễn Thị T có cho chị Trương Thị Hồng D và anh Huỳnh Văn L vay với số tiền 20.000.000 đồng, khi vay tiền không có làm biên nhận, mục đích vay để làm vốn mua trái dừa nhưng đến nay thì chị D và anh L chưa trả tiền. Nay chị T yêu cầu chị D và anh L phải cùng có nghĩa vụ trả số tiền 20.000.000 đồng, chị T không yêu cầu tính tiền lãi chậm trả.

Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch huyện T C có văn bản nêu ý kiến như sau:

Chị Trương Thị Hồng D và anh Huỳnh Văn L có vay của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch huyện T C. Trong quá trình thực hiện hợp

đồng anh L vẫn đang thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người vay và nợ chưa đến hạn, anh L có cam kết sẽ có nghĩa vụ trả toàn bộ nợ cho Ngân hàng nên Ngân hàng không có yêu cầu khởi kiện trong vụ án này.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng.

Việc chấp hành của những người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Đề nghị áp dụng các điều 27, 37, 51, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng các điều 357, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Hồng D.

Về hôn nhân: Chị D được ly hôn với anh L.

Về con chung: Giao Huỳnh Thị Như Ng, sinh ngày 11/8/2017 cho chị Trương Thị Hồng D tiếp tục nuôi dưỡng, anh Huỳnh Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị D không yêu cầu. Đối với Huỳnh Trọng Ph, sinh ngày 31/10/2005 đã thành niên nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Chị D và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Buộc chị D và anh L có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Nguyễn Thị T số tiền 20.000.000 đồng. Do chị T không yêu cầu tính lãi nên không xem xét giải quyết. Đối với số tiền nợ của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch huyện T C do anh L, chị D không vi phạm hợp đồng nên Ngân hàng không có khởi kiện độc lập trong vụ án này nên không xem xét giải quyết. Riêng đối với số tiền vay của Ngân hàng Đông Á chi nhánh tỉnh Trà Vinh nay là Ngân hàng TNHH MTV số Vikki Phòng giao dịch huyện T C hiện đang giải quyết một vụ án khác.

Về án phí: Đề nghị xử lý án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Huỳnh Văn L và chị Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt anh L và chị T.

Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T C theo quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Hồng D và anh Huỳnh Văn L chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn đúng theo quy định nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Chị D vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh L do có nhiều mâu thuẫn. Anh L có lời khai vợ chồng có nhiều mâu thuẫn dẫn đến không còn chung sống với nhau nhưng anh yêu cầu được đoàn tụ. Xét thấy qua lời khai của đương sự và các tài liệu, chứng cứ đương sự cung cấp đã thể hiện về tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh L có nhiều mâu thuẫn do không có sự quan tâm, yêu thương, giúp đỡ nhau, anh L và chị D không còn chung sống với nhau từ tháng 4/2023. Từ đó, xét thấy mâu thuẫn giữa chị D và anh L đã xảy ra trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị D được ly hôn với anh L.

[3] Về con chung: Chị D và anh L có 02 con chung tên Huỳnh Trọng Ph, sinh ngày 31/10/2005 đã thành niên và Huỳnh Thị Như Ng, sinh ngày 11/8/2017 chị Trương Thị Hồng D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng Huỳnh Thị Như Ng và không yêu cầu anh Huỳnh Văn L phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy hiện nay cháu Ng đang sống chung với chị D, đồng thời cháu Ng có nguyện vọng tiếp tục sống chung với chị D. Do đó để đảm bảo điều kiện phát triển bình thường của cháu Ngọc cần tiếp tục giao cháu Ngọc cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu Ng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tòa án đã giải thích quy định của pháp luật về việc người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng chị D không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con nên khi ly hôn anh L không phải cấp dưỡng nuôi con do chị D không yêu cầu.

Đối với Huỳnh Trọng Ph đã thành niên và sống tự lập nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị D và anh L không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Về nợ chung: Chị D và anh L khai có nợ của chị Nguyễn Thị T, vay của Ngân hàng chính sách xã hội huyện T C và đứng ra bảo lãnh cho con ruột là Huỳnh Trọng Phúc vay tiền tại Ngân hàng Đông Á chi nhánh tỉnh Trà Vinh nay là Ngân hàng TNHH MTV số Vikki Phòng giao dịch huyện T C khi ly hôn chị D và anh L yêu cầu cùng có nghĩa vụ trả nợ.

Xét thấy đối với số nợ của chị Nguyễn Thị T, qua lời khai của các đương sự và các tài liệu chứng khác thể hiện tuy việc vay tiền giữa chị T với chị D, anh L không lập thành văn bản nhưng tại Tòa các đương sự thừa nhận có vay số tiền này nên khi ly hôn cần áp dụng Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình buộc chị D và anh L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị T số tiền vốn là 20.000.000 đồng. Do chị T không yêu cầu tính tiền lãi chậm trả nên không xem xét.

Đối với số tiền vay của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch huyện T C do trong quá trình thực hiện hợp đồng vay anh L và chị D trả vốn và đóng lãi đúng theo thỏa T và không có vi phạm nên Ngân hàng không có khởi kiện độc lập để yêu cầu trả nợ. Do đó nếu về sau có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

Riêng đối với số nợ vay của Ngân hàng TNHH MTV số Vikki Phòng giao dịch huyện T C mà chị D và anh L là người bảo lãnh đang được giải quyết bằng một vụ án khác nên không xem xét trong vụ án này.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xét thấy cần buộc chị Trương Thị Hồng D và anh Huỳnh Văn L phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Do chị Nguyễn Thị T được chấp nhận yêu cầu nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Xét thấy, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T C tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 27, 37, 51, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào các điều 463, 466, 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Hồng D.

Về hôn nhân: Chị Trương Thị Hồng D được ly hôn với anh Huỳnh Văn L.

Về con chung: Giao con chung của chị D, anh L tên Huỳnh Thị Như Ngọc, sinh ngày 11/8/2017 cho chị Trương Thị Hồng D được tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu Ngọc. Anh Huỳnh Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị D không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

Về tài sản chung: Chị D và anh L không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Về nợ chung: Buộc chị Trương Thị Hồng D và anh Huỳnh Văn L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Nguyễn Thị T số tiền bằng 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Chị Trương Thị Hồng D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0006367 ngày 04 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T C. Chị D đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Buộc chị Trương Thị Hồng D nộp 500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc anh Huỳnh Văn L nộp 500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị T số tiền là 500.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0006061 ngày 07 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T C.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được Tòa án giao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử theo trình tự phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T C;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- CCTHADS huyện T C;
- UBND xã Tập Ngãi, huyện T C, tỉnh Trà Vinh;
- Đương sự;
- Lưu HS,VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Tùng